TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bình Thuận, ngày 28 tháng 9 năm 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI PHẦN B.I
(Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam)
Lớp Trung cấp LLCT, hệ không tập trung - Khoá 1 (Năm 2021),
mở tại Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Ngày thi: Chiều ngày 20/9/2023

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Đoàn Bảo	Anh	24/6/1985	Bình Thuận	59	5.0	Năm	
02	02	Huỳnh Thị Hoàng	Anh	14/12/1980	Bình Thuận	60	5.8	Năm, tám	
03	03	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/7/1989	Bình Thuận	57	6.2	Sáu, hai	
04	04	Hoàng Văn	Ấn	14/4/1980	Bình Thuận	63	5.4	Năm, bốn	
05	05	Lưu Thị Hoà	Bình	08/9/1978	Bình Thuận	56	6.8	Sáu, tám	
06	06	Lương Thị Mai	Chăm	23/7/1990	Bình Thuận	54	7.4	Bảy, bốn	
07	07	Giang Kim	Chi	23/4/1983	Bình Thuận	48	6.0	Sáu	
08	08	Trương Thị Cẩm	Chi	24/01/1988	Bình Thuận	49	6.6	Sáu, sáu	
09	09	Nguyễn Thành	Chung	22/10/1978	Bình Thuận	50	5.4	Năm, bốn	
10	10	Nguyễn Lê Pha	Diễm	01/01/1987	Bình Thuận	53	6.2	Sáu, hai	
11	11	Huỳnh Thị Kim	Diệu	20/4/1989	Quảng Nam	55	6.8	Sáu, tám	
12	12	Trần Thị Mỹ	Dung	21/9/1988	Bình Thuận	52	7.2	Bảy, hai	
13	13	Huỳnh Duy Vương	Đạo	13/4/1977	Bình Thuận	51	5.0	Năm	
14	14	Trần Ngọc	Đông	25/9/1985	Bình Thuận	58	5.1	Năm, một	
15	15	Võ Thị Thuý	Đồng	13/6/1989	Bình Thuận	61	5.0	Năm	
16	16	Lương Ngọc Minh	Hải	01/01/1979	Bình Thuận	65	5.2	Năm, hai	
17	17	Nguyễn Thị	Hạnh	25/5/1978	Bình Thuận	40	7.4	Bảy, bốn	
18	18	Nguyễn Thị Kim	Hồng	27/01/1979	Bình Thuận	41	3.0	Ba	
19	19	Võ Thị Mai	Hồng	14/5/1973	Bình Thuận	42	5.0	Năm	
20	20	Lê Thị Kim	Huệ	01/6/1986	Bình Thuận	43	6.6	Sáu, sáu	
21	21	Phạm Thị	Huyền	11/02/1987	Bình Thuận	44	5.3	Năm, ba	
22	22	Huỳnh Thị Mộng	Huyền	24/12/1978	Bình Thuận	45	5.8	Năm, tám	
23	23	Nguyễn Trần	Kin	12/7/1991	Bình Thuận	46	5.1	Năm, một	
24	24	Lê Thị	Lan	16/8/1982	Thanh Hoá	47	5.2	Năm, hai	

25	25	Nguyễn Thị Kim	Liên	02/12/1983	Bình Thuận	37	5.0	Năm	
	26	Nguyễn Thị	Liên	10/3/1975	Bình Thuận				*Thôi học*
26	27	La Tố	Linh	10/5/1982	Bình Thuận	38	5.1	Năm, một	
	28	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25/02/1974	Bình Thuận				*Thôi học*
27	29	Nguyễn Thị Thuỳ	Loan	01/02/1969	Bình Thuận	39	6.4	Sáu, bốn	
28	30	Phan Thị Tuyết	Mai	15/10/1989	Bình Thuận	62	6.8	Sáu, tám	
	31	Đoàn Ngọc	Minh	27/7/1975	Bình Thuận				*Thôi học*
	32	Nguyễn Thị Kiều	Nga	03/12/1989	Bình Thuận				*Thôi học*
	33	Nguyễn Trọng	Nghiệp	1984	Bình Thuận				*Thôi học*
29	34	Phạm Thành	Nguyên	12/8/1982	Bình Thuận	34	5.2	Năm, hai	
30	35	Lê Quốc	Nhân	01/01/1982	Bình Thuận	64	6.2	Sáu, hai	
31	36	Nguyễn Hồng	Nhung	03/12/1991	Bình Thuận	36	9.4	Chín, tư	
32	37	Nguyễn Hoàng	Oanh	01/11/1983	Bình Thuận	35	5.6	Năm, sáu	
33	38	Ngô Thị Tố	Phương	21/7/1991	Thanh Hoá	10	6.6	Sáu, sáu	
34	39	Huỳnh Thị Mỹ	Phượng	05/4/1980	Bình Thuận	11	6.0	Sáu	
35	40	Đinh Ngọc	Quang	19/8/1979	Bình Thuận	08	7.6	Bảy, sáu	
36	41	Huỳnh Thanh	Quý	06/11/1979	Bình Thuận	33	8.0	Tám	
37	42	Phạm Văn	Quý	06/9/1967	Bình Thuận	27	5.6	Năm, sáu	
38	43	Trần Lê	Sa	08/01/1987	Bình Thuận	28	7.5	Bảy, năm	
39	44	Trang Hoàng Vĩnh	Sang	17/12/1989	Bình Thuận	29	8.1	Tám, một	
40	45	Nguyễn Văn	Tâm	30/10/1987	Bình Thuận	32	5.0	Năm	
41	46	Trương Thị Thái	Thanh	02/6/1976	Bình Thuận	15	6.6	Sáu, sáu	
42	47	Võ Hoàn	Thành	01/11/1989	TP. HCM	31	6.2	Sáu, hai	
43	48	Nguyễn Thị Hồng	Thái	24/9/1980	Bình Thuận	30	6.2	Sáu, hai	
44	49	Phạm Viết	Thắng	01/10/1980	Bình Thuận	25	5.0	Năm	
45	50	Vũ Thị	Thêu	20/12/1982	Bình Thuận	26	7.0	Bảy	
46	51	Nguyễn Thị	Thoa	26/4/1991	Bình Thuận	09	5.0	Năm	
47	52	Trần Thị	Thu	20/5/1979	Quảng Bình	12	5.2	Năm, hai	
48	53	Lê Đình	Thuận	25/9/1973	Thanh Hoá	13	8.0	Tám	
49	54	Trần	Thuận	14/8/1983	Trà Vinh	21	6.9	Sáu, chín	
50	55	Trần Thị Hoà	Thương	28/02/1991	Bình Thuận	22	8.0	Tám	
51	56	Đỗ Phương	Thuý	16/4/1984	Bình Thuận	23	5.0	Năm	
52	57	Lê Thị Thu	Thuỷ	26/3/1985	Bình Thuận	24	5.8	Năm, tám	

53	58	Lương Thị	Tiếp	26/02/1986	Nghệ An	07	5.2	Năm, hai	
54	59	Võ Bích	Trầm	01/12/1982	Bình Thuận	01	5.3	Năm, ba	
55	60	Lương Thị Thuỳ	Trang	28/4/1983	Bình Thuận	04	5.6	Năm, sáu	
56	61	Nguyễn Lê Thị Đoan	Trang	22/5/1982	Bình Thuận	05	6.0	Sáu	
57	62	Nguyễn Thị Hồng	Tú	08/10/1984	Nghệ An	03	7.0	Bảy	
58	63	Ngô	Tuyến	14/01/1985	Bình Thuận	02	5.0	Năm	
59	64	Nguyễn Đình	Vân	13/10/1984	Bình Thuận	14	5.6	Năm, sáu	
60	65	Võ Thị Hồng	Vân	10/3/1984	Bình Thuận	16	5.8	Năm, tám	
61	66	Lê Thị	Vinh	01/01/1970	Thanh Hoá	06	5.0	Năm	
62	67	Cao Tấn	Vương	30/5/1979	Bình Thuận	17	5.0	Năm	
63	68	Nguyễn Thanh	Xuân	07/11/1991	Bình Thuận	18	8.2	Tám, hai	
64	69	Trần Thị Mỹ	Xuyên	07/4/1990	Ninh Thuận	19	6.2	Sáu, hai	
65	70	Nguyễn Đặng Hoàng	Yến	16/10/1984	Bình Thuận	20	5.8	Năm, tám	

Tổng số: 65 bài.

Trong đó:

*Từ 9,0 điểm đến cận 10 điểm: 01 bài

*Từ 8,0 điểm đến cận 9,0 điểm: 05 bài

*Từ 7,0 điểm đến cận 8,0 điểm: 07 bài

*Từ 5,0 điểm đến cận 7,0 điểm: 51 bài

* Dưới 5 điểm: 01 bài

Tỷ lệ:

Xuất sắc: 01 bài. (tỷ lệ: 1.54 %)

Giỏi: 05 bài. (tỷ lệ: 7.69 %)

Khá: 07 bài. (tỷ lệ: 10.77 %)

Trung bình: 51 bài. (tỷ lệ: 78.46 %)

Chưa đạt: 01 bài. (tỷ lệ: 1.54 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Nguyễn Quang Châu

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH
KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG

Võ Thị Xuân Thuận

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

Văn Thị Thanh Hà